

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 27
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 14 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 79 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch
Ông: Trần Thành Vinh	Phó Chủ tịch
Ông: Phạm Hoàng Long	Thành viên
Ông: Nguyễn Xuân Thu	Thành viên
Bà: Trần Thị Quỳnh Giao	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trần Thị Quỳnh Giao	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Quang Vũ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Phùng Thị Kim Lan	Trưởng ban
Bà: Lê Thị Dung	Thành viên
Bà: Nguyễn Thu Hường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Thị Quỳnh Giao
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được lập ngày 11 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		77.088.185.563	73.093.294.381
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	19.019.589.645	70.387.997.607
111	1. Tiền		14.019.589.645	32.387.997.607
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	38.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		56.422.820.852	514.698.481
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	25.604.400	1.320.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	225.300.000	225.300.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	55.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.171.916.452	288.078.481
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		1.645.775.066	2.190.598.293
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	09	122.401.439	86.327.465
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	1.523.373.627	2.104.270.828
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		36.430.202.673	37.724.854.668
220	I. Tài sản cố định		36.424.031.244	37.724.854.668
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	36.424.031.244	37.724.854.668
222	- Nguyên giá		82.522.527.733	82.522.527.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.098.496.489)	(44.797.673.065)
260	II. Tài sản dài hạn khác		6.171.429	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	09	6.171.429	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		113.518.388.236	110.818.149.049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.091.294.900	5.298.855.460
310	I. Nợ ngắn hạn		6.091.294.900	5.298.855.460
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	95.986.037	301.629
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	-	2.640.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.904.578.548	1.383.588.604
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		31.360.000	40.000.000
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	14.555.000	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.923.510.685	1.881.815.485
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.121.304.630	1.990.509.742
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		107.427.093.336	105.519.293.589
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	107.427.093.336	105.519.293.589
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.029.400.000	57.029.400.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		57.029.400.000	57.029.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		32.161.096.294	29.326.136.521
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.236.597.042	19.163.757.068
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		13.483.931.385	11.245.681.978
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		4.752.665.657	7.918.075.090
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		113.518.388.236	110.818.149.049

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	11.525.203.000	11.235.136.152
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.525.203.000	11.235.136.152
11	4. Giá vốn hàng bán	18	4.108.454.360	4.187.173.493
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.416.748.640	7.047.962.659
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.466.997.352	1.479.873.293
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.673.685.974	2.841.280.234
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.210.060.018	5.686.555.718
31	11. Thu nhập khác	21	652.590.934	755.193.254
32	12. Chi phí khác	22	788.152.921	806.630.792
40	13. Lợi nhuận khác		(135.561.987)	(51.437.538)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.074.498.031	5.635.118.180
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.321.832.374	1.232.416.884
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.752.665.657</u>	<u>4.402.701.296</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	<u>833</u>	<u>772</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		12.962.010.400	12.358.474.868
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(425.629.661)	(481.750.413)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.376.998.000)	(1.370.696.500)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(815.878.569)	(961.970.375)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		419.725.234	861.542.193
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.045.318.603)	(7.144.308.019)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.717.910.801	3.261.291.754
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(55.000.000.000)	(25.000.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		624.148.037	555.204.800
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(54.375.851.963)	(24.444.795.200)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.710.466.800)	(1.710.466.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.710.466.800)	(1.710.466.800)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(51.368.407.962)	(22.893.970.246)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		70.387.997.607	65.398.562.405
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	19.019.589.645	42.504.592.159

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 14 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 79 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 57.029.400.000 đồng; tương đương 5.702.940 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 34 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 34 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Gia công sản phẩm may mặc và cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh văn phòng làm việc;
- Kinh doanh kho bãi;
- Gia công hàng may mặc;
- Kinh doanh bất động sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Từ năm 2017, hoạt động gia công may mặc của Công ty tạm dừng. Hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 tập trung chủ yếu vào hoạt động cho thuê kho. Trong kỳ, số lượng khách hàng thuê kho tăng và một số khách hàng cũ có điều chỉnh tăng diện tích thuê so với năm trước nhưng không đáng kể. Do vậy, doanh thu cho thuê kỳ này biến động không đáng kể so với kỳ trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Một số nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vừa được sử dụng cho mục đích chủ sở hữu sử dụng, vừa được sử dụng để cho thuê. Tuy nhiên, hoạt động cho thuê chỉ được triển khai trong ngắn hạn, Công ty dự kiến sẽ triển khai Dự án “Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng” trong thời gian tới trên phần tài sản này (xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27). Vì vậy, toàn bộ giá trị của các nhà cửa, vật kiến trúc này được Công ty theo dõi trên khoản mục Tài sản cố định hữu hình. Tại ngày 30/06/2022, nguyên giá tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc tại kho Đức Giang đang được cho thuê là: 48.273.296.865 VNĐ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm

2.7. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 02 năm.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực gia công may mặc và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	63.852.777	37.202.397
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.955.736.868	32.350.795.210
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	38.000.000.000
	19.019.589.645	70.387.997.607

Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng có giá trị 5.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch với lãi suất 3,3%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH KAO Việt Nam	5.280.000	-	1.320.000	-
- Chi nhánh Hà Nội Công ty Cổ phần MAISON Retail Management International	20.295.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	29.400	-	-	-
	25.604.400	-	1.320.000	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	225.300.000	-	225.300.000	-
	225.300.000	-	225.300.000	-
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	225.300.000	-	225.300.000	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thái Minh về Hợp đồng đầu tư vốn (i)	25.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần E&C Hà Nội về Hợp đồng đầu tư vốn (ii)	30.000.000.000	-	-	-
	55.000.000.000	-	-	-

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

(i): Hợp đồng đầu tư vốn số 02/HDDTV/VSMB-TM ngày 06/01/2022 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích đầu tư: Phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thái Minh;
- Thời hạn hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022;
- Lãi suất đầu tư: 7,8%/năm; Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- Tổng số vốn góp tại thời điểm 30/06/2022 là 25.000.000.000 đồng.

(ii): Hợp đồng đầu tư vốn số 14/HDDTV/VSMB-TM ngày 15/06/2022 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích đầu tư: Phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần E&C Hà Nội;
- Thời hạn hoàn vốn chậm nhất đến ngày 31/12/2022;
- Lãi suất đầu tư: 7,8%/năm; Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- Tổng số vốn góp tại thời điểm 30/06/2022 là 30.000.000.000 đồng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	5.200.000	-	1.200.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	35.068.493	-	235.068.493	-
- Lãi dự thu về đầu tư vốn	1.042.849.315	-	-	-
- Phải thu khác	88.798.644	-	51.809.988	-
	1.171.916.452	-	288.078.481	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	77.446.040.514	376.291.000	2.038.765.454	2.661.430.765	82.522.527.733
Số dư cuối kỳ	77.446.040.514	376.291.000	2.038.765.454	2.661.430.765	82.522.527.733
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.594.919.601	251.042.779	2.038.765.454	1.912.945.231	44.797.673.065
- Khấu hao trong kỳ	1.241.046.234	31.357.584	-	28.419.606	1.300.823.424
Số dư cuối kỳ	41.835.965.835	282.400.363	2.038.765.454	1.941.364.837	46.098.496.489
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	36.851.120.913	125.248.221	-	748.485.534	37.724.854.668
Tại ngày cuối kỳ	35.610.074.679	93.890.637	-	720.065.928	36.424.031.244

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.900.222.460 VND

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn	37.308.715	86.327.465
- Chi phí bảo hiểm	28.160.221	-
- Các khoản khác	56.932.503	-
	122.401.439	86.327.465
b) Dài hạn		
- Chi phí internet	6.171.429	-
	6.171.429	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Điện lực Long Biên	95.986.037	95.986.037	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam tại Hà Nội	-	-	301.629	301.629
	95.986.037	95.986.037	301.629	301.629

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty trách nhiệm hữu hạn KAO Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	2.640.000
	-	2.640.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	766.008.173	1.152.844.582	1.128.309.193	-	790.543.562
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	576.577.218	1.321.832.374	815.878.569	-	1.082.531.023
- Thuế thu nhập cá nhân	-	41.003.213	72.856.355	82.355.605	-	31.503.963
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.104.270.828	-	3.702.117.726	3.121.220.525	1.523.373.627	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	2.104.270.828	1.383.588.604	6.252.651.037	5.150.763.892	1.523.373.627	1.904.578.548

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.888.525.000	1.847.245.000
- Cổ tức phải trả	20.804.982	20.389.782
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.180.703	14.180.703
	1.923.510.685	1.881.815.485
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.363.000	112.763.000
- Cổ tức phải trả và Phải trả khác	23.424.782	23.386.082
	127.787.782	136.149.082

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	14.555.000	-
	14.555.000	-

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	57.029.400.000	27.209.423.824	15.919.961.753	100.158.785.577
Lãi trong kỳ trước	-	-	4.402.701.296	4.402.701.296
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	2.116.712.697	(2.116.712.697)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi			(846.685.078)	(846.685.078)
Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền			(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
Số dư cuối kỳ trước	57.029.400.000	29.326.136.521	15.648.383.274	102.003.919.795

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	57.029.400.000	29.326.136.521	19.163.757.068	105.519.293.589
Lãi trong kỳ này	-	-	4.752.665.657	4.752.665.657
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	2.834.959.773	(2.834.959.773)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.133.983.910)	(1.133.983.910)
Chia cổ tức năm 2021 bằng tiền	-	-	(1.710.882.000)	(1.710.882.000)
Số dư cuối kỳ này	57.029.400.000	32.161.096.294	18.236.597.042	107.427.093.336

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 17/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021		11.339.839.090
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	25%	2.834.959.773
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	10%	1.133.983.910
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.500 đồng)	15%	1.710.882.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	19.960.290.000	35,00%	19.960.290.000	35,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	19.960.290.000	35,00%	19.960.290.000	35,00%
Bà Trần Minh Quỳnh Dung	6.171.870.000	10,82%	6.171.870.000	10,82%
Ông Phạm Hoàng Long	5.642.750.000	9,89%	5.642.750.000	9,89%
Cổ đông khác	5.294.200.000	9,29%	5.294.200.000	9,29%
	57.029.400.000	100,00%	57.029.400.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
- Vốn góp cuối kỳ	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	20.389.782	22.188.682
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	1.710.882.000	1.710.882.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	1.710.882.000	1.710.882.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.710.466.800	1.710.466.800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	1.710.466.800	1.710.466.800
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>20.804.982</u>	<u>22.603.882</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.702.940	5.702.940
- Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
- Cổ phiếu phổ thông	5.702.940	5.702.940
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	32.161.096.294	29.326.136.521
	<u>32.161.096.294</u>	<u>29.326.136.521</u>

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tài sản cho thuê ngoài của Công ty tại ngày 30/06/2022 là nhà kho tại Đức Giang với diện tích 25.482 m2. Vào ngày 30/06/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được xác định như sau:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	22.820.421.000	22.970.580.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất dài hạn 30 năm tại lô đất mã điểm đất LBI0202, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội (từ năm 2004 đến năm 2034) và Số 79, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (từ năm 2003 đến năm 2033), sử dụng đất với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 25.482 m2 và 12.423 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty sở hữu sđđ các khu đất và phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ	USD	1.256,83	1.263,43

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.525.203.000	11.235.136.152
	11.525.203.000	11.235.136.152

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.108.454.360	4.187.173.493
	4.108.454.360	4.187.173.493

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	424.148.037	566.311.649
Lãi từ hoạt động đầu tư vốn	1.042.849.315	913.561.644
	1.466.997.352	1.479.873.293

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	860.600.000	1.006.405.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.656.538	38.774.118
Thuế, phí và lệ phí	1.348.182.212	1.506.324.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.430.453	43.299.566
Chi phí khác bằng tiền	390.816.771	246.476.140
	2.673.685.974	2.841.280.234

21. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tiền trông giữ xe	256.364.546	304.254.546
Tiền điện, nước của đối tượng thuê kho, văn phòng	384.226.388	438.936.806
Thu nhập khác	12.000.000	12.001.902
	652.590.934	755.193.254

22. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tiền điện, nước của đối tượng thuê kho, văn phòng	397.577.280	409.267.685
Chi phí khấu hao của tài sản cố định không sử dụng tại Lạc Trung	387.663.840	387.663.840
Chi phí khác	2.911.801	9.699.267
	788.152.921	806.630.792

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.074.498.031	5.635.118.180
Các khoản điều chỉnh tăng	534.663.840	526.966.240
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	123.000.000	123.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh trong kỳ	387.663.840	387.663.840
- Chi phí không hợp lệ	24.000.000	16.302.400
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.609.161.871	6.162.084.420
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.321.832.374	1.232.416.884
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	576.577.218	740.050.896
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(815.878.569)	(961.970.375)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.082.531.023	1.010.497.405

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.752.665.657	4.402.701.296
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.752.665.657	4.402.701.296
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	833	772

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.694.383.000	1.837.315.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	913.159.584	927.277.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.430.453	43.299.566
Chi phí khác bằng tiền	4.125.167.297	4.220.561.997
	6.782.140.334	7.028.453.727

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.019.589.645	-	70.387.997.607	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.197.520.852	-	289.398.481	-
Các khoản cho vay	55.000.000.000	-	-	-
	75.217.110.497	-	70.677.396.088	-

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.019.496.722	1.882.117.114
Chi phí phải trả	31.360.000	40.000.000
	2.050.856.722	1.922.117.114

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2022	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.019.589.645	-	-	19.019.589.645
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.197.520.852	-	-	1.197.520.852
Các khoản cho vay	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
	75.217.110.497	-	-	75.217.110.497
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.387.997.607	-	-	70.387.997.607
Phải thu khách hàng, phải thu khác	289.398.481	-	-	289.398.481
	70.677.396.088	-	-	70.677.396.088

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2022	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	2.019.496.722	-	-	2.019.496.722
Chi phí phải trả	31.360.000	-	-	31.360.000
	2.050.856.722	-	-	2.050.856.722
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.882.117.114	-	-	1.882.117.114
Chi phí phải trả	40.000.000	-	-	40.000.000
	1.922.117.114	-	-	1.922.117.114

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. THÔNG TIN KHÁC

Hoạt động đầu tư dự án "Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng" tên gọi cũ: "Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)":

- Giai đoạn trước ngày 05/09/2017:
 - + Căn cứ triển khai dự án: Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMMB ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị;
 - + Tên dự án: Dự án tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View);
 - + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc;
 - + Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu đất số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
 - + Mục đích đầu tư: Đầu tư tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê;
 - + Quy mô dự án: Dự án được xây dựng trên khu đất rộng 12.407 m²; 03 tầng hầm; 24 tầng nổi; mật độ 39%; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 145.000 m²;
 - + Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 1.300.000.000.000 đồng;
 - + Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu. Số cổ phần dự kiến phát hành thêm là 12.318.350 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến là 180.212.900.000 đồng. Thời gian phát hành sẽ được Hội đồng Quản trị Công ty quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép;
 - + Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến từ năm 2017 đến năm 2020;
 - + Tình trạng dự án tính đến thời điểm 05/09/2017: Đang tiến hành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.
- Giai đoạn từ ngày 05/09/2017 đến nay:
 - Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc quản lý sử dụng khu đất 79 Lạc Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh quản lý sử dụng khu đất 605 Minh Khai cùng hợp tác đầu tư xây dựng dự án trên hai khu đất này. Các nội dung thay đổi bao gồm:

- + Căn cứ triển khai dự án: Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMEMB ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị. Hợp đồng kinh doanh số 09-2017/HĐHTKD ngày 05/09/2017 giữa Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc quản lý sử dụng khu đất 79 Lạc Trung và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh;
- + Tên dự án: đổi tên dự án từ "Dự án Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)" thành "Trung tâm Thương mại - Dịch vụ, văn phòng làm việc và chung cư cao tầng";
- + Chủ đầu tư: Liên doanh nhà đầu tư Công ty Cổ phần Vải Sợi May mặc Miền Bắc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh;
- + Địa điểm thực hiện dự án: 79 Lạc Trung và 605 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
- + Mục đích đầu tư: Đầu tư Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê;
- + Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp khối tại 02 khu đất trên (tổng diện tích 16.306 m2);
- + Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 1.889.340.000.000 đồng;
- + Nguồn vốn đầu tư: Giai đoạn 1 Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc góp 75% tương ứng 283.401.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nhật Anh góp 25% tương ứng 94.467.000.000 đồng; Giai đoạn 2 các bên thỏa thuận giá trị phần vốn góp của mỗi bên dựa trên diện tích và đơn giá xây dựng;
- + Thời gian thực hiện dự án: Theo tiến độ được duyệt;
- + Do đặc thù của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 2467/KH&ĐT-NNS ngày 27/04/2018 về việc đề xuất nghiên cứu lập và triển khai dự án đầu tư theo hình thức hợp khối tại khu đất số 79A Lạc Trung và 605 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch và hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và pháp luật hiện hành;
- + Tình trạng dự án đến 30/06/2022: Đã nộp hồ sơ và đang chờ phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	Công ty liên kết của Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta - Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể của Công ty

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho người bán	225.300.000	225.300.000
Công ty TNHH Liên doanh SACIDELTA	225.300.000	225.300.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

Chức vụ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2022	2021	
	VND	VND	
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị			
- Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Trần Thành Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT	27.000.000	27.000.000
- Phạm Hoàng Long	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
- Nguyễn Xuân Thu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
- Trần Thị Quỳnh Giao	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
	147.000.000	147.000.000	
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Phùng Thị Kim Lan	Trưởng ban kiểm soát	56.280.000	77.600.000
- Lê Thị Dung	Thành viên kiểm soát	12.000.000	12.000.000
- Nguyễn Thu Hương	Thành viên kiểm soát	12.000.000	12.000.000
	80.280.000	101.600.000	
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Trần Thị Quỳnh Giao	Tổng Giám đốc	154.000.000	184.000.000
- Phạm Quang Vũ	Phó Tổng Giám đốc	92.270.000	115.000.000
- Nguyễn Thị Đức Hà	Kế toán trưởng	85.001.000	122.600.000
	331.271.000	421.600.000	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán ASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Quỳnh Giao